

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ OPEN MART**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ OPEN MART

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: OPEN MART TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: OPEN MART TRASER CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109783510

**3. Ngày thành lập:** 19/10/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 32, ngõ 6, Phố Lương Văn Can, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936.211119

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>( Trừ hoạt động đấu giá )                                                                           | 4543     |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>( Trừ hoạt động đấu giá )                            | 4610     |
| 3.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>( Trừ loại nhà nước cấm )                                                          | 4620     |
| 4.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                               | 4631     |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>- Bán buôn thủy sản<br>- Bán buôn rau, quả<br>- Bán buôn cà phê<br>- Bán buôn chè | 4632     |
| 6.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn, - Bán buôn đồ uống không có cồn                                                                     | 4633     |
| 7.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào                                                                                                                        | 4634     |
| 8.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                         | 4641     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác -<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa,<br>hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy<br>tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán<br>buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán<br>buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ<br>thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa<br>được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                              | 4649 |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>Chi tiết: - Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi;<br>- Bán buôn phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4651 |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: - Bán buôn van và ống điện tử<br>- Bán buôn thiết bị bán dẫn<br>- Bán buôn mạch tích hợp và mạch vi xử lý<br>- Bán buôn mạch in<br>- Bán buôn băng, đĩa từ, băng đĩa quang (CDs, DVDs) chưa<br>ghi (băng, đĩa trắng);<br>- Bán buôn thiết bị điện thoại và truyền thông;<br>- Bán buôn tivi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến;<br>- Bán buôn đầu đĩa CD, DVD                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4652 |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4653 |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi<br>tính và thiết bị ngoại vi<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính<br>Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho<br>công nghiệp dệt, may;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện,<br>động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>như bán buôn máy móc, thiết bị vật liệu điện: Tổ máy phát<br>điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện đã<br>hoặc chưa bọc lớp cách điện, role, cầu dao, cầu chì, thiết bị<br>mạch điện khác;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da<br>giày | 4659 |
| 14. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác<br>- Bán buôn dầu thô<br>- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan<br>- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4661 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                            | 4663        |
| 16. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ loại nhà nước cấm )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4669        |
| 17. | Dịch vụ đóng gói<br>( Trừ loại nhà nước cấm )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8292        |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh<br>( Trừ hoạt động đấu giá )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8299        |
| 19. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4690        |
| 20. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>( Trừ loại nhà nước cấm )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4711        |
| 21. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4719(Chính) |
| 22. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh<br>( Trừ loại nhà nước cấm )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4721        |
| 23. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh,<br>- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh, Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh như cà phê bột, cà phê hòa tan, chè | 4722        |
| 24. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4723        |
| 25. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4724        |
| 26. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4774        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4781 |
| 28. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet ( Trừ loại nhà nước cấm )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4791 |
| 29. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu ( Trừ hoạt động đầu giá )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4799 |
| 30. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)<br>- Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh<br>- Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác                                                                                                                                                                                                                                            | 5610 |
| 31. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: - Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>- Quán rượu, bia, quầy bar<br>- Quán cà phê, giải khát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5630 |
| 32. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4741 |
| 33. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 34. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                          | 4759 |
| 35. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4762 |
| 36. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4763 |
| 37. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4764 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                | 4771 |
| 39. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>( Trừ loại nhà nước cấm )                                                                                                                                                                                                            | 4772 |
| 40. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>( Trừ súng đạn loại dùng đi săn, thể thao và tiền kim khí ) | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIM THOA \_\_\_\_\_ Giới tính: Nữ  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 12/01/1961 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036161007653  
 Ngày cấp: 24/04/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản Lý Hành Chính về Trật Tự Xã Hội  
 Địa chỉ thường trú: Số 32, ngõ 6, Phố Lương Văn Can, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
 Địa chỉ liên lạc: Số 32, ngõ 6, Phố Lương Văn Can, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội